Routing Laravel

# Route là gì

**Route** là thành phần cần thiết và không thể thiếu khi làm việc với các **framework**, nó giúp định tuyến các **url**, **path** tương ứng với các **controller**, **action**, **view**, **command line** tương ứng hoặc bất kỳ công việc nào (Trong phạm vi cho phép của framework đó).

* Các loại route trong laravel
  + Route web: khai báo trong **routes/web.php**
  + Route api: khai báo trong **routes/api.php**
  + Route console (Command Line): khai báo trong **routes/console.php**
  + Route chanel (Broadcast): khai báo trong **routes/change.php**

# Các phương thức khai báo Route

Để khai báo route web, bạn cần khai báo trong file **routes/web.php**

## **Route::get(***$path, $callback***)**; Nhận request với phương thức GET.

## **Route::post(***$path, $callback***)**; Nhận request với phương thức POST.

## **Route::put(***$path, $callback***)**; Nhận request với phương thức PUT.

## **Route::path(***$path, $callback***)**; Nhận request với phương thức PATH.

## **Route::delete(***$path, $callback***)**; Nhận request với phương thức DELETE.

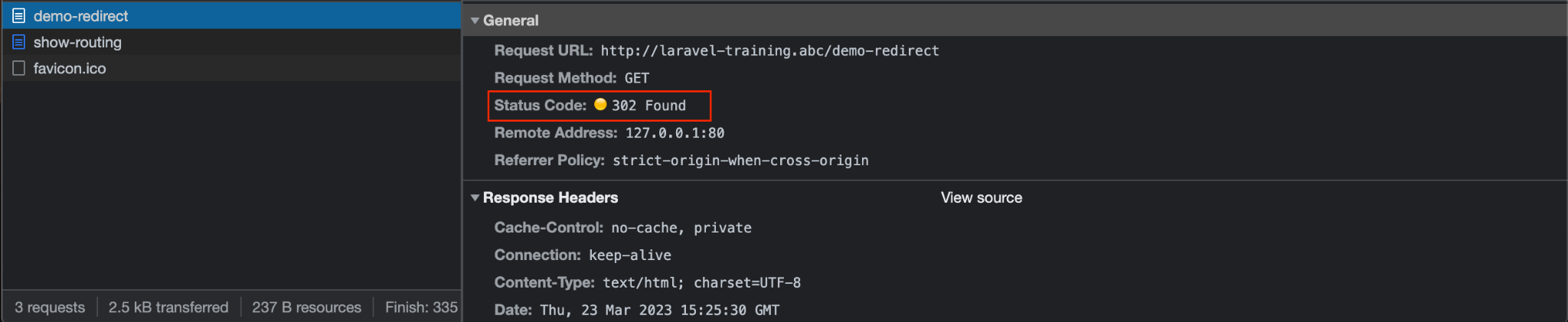
## **Route::options(***$path, $callback***)**; Nhận request với phương thức OPTIONS.

## **Route::match(***$method, $path, $callback***)**; Nhận request với nhiều phương thức được khai báo trong mảng *$method*.

## **Route::any(***$uri, $callback***)**; Nhận request với tất cả phương thức.

## **Route::redirect(***$path, $redirectTo, $status***)**; Nhận request sau đó chuyển hướng tới *$redirectTo*.

Tham số $status : Thay đổi Status Code của $path



Thảo khảo: [HTTP response status codes](https://developer.mozilla.org/en-US/docs/Web/HTTP/Status)

## **Route::view(***$path, $viewName, $data***)**; Nhận request sau đó render view.

## **Route::prefix(***‘path\_prefix’***)->group(***$callback***)**; Nhóm các route với prefix xác định.

// Cách 1: gọi phương thức group() truyền tham số thứ 1 bao gồm

(prefix|route name|namespace|middleware|sub-domain)

Route::group([

'prefix' => '/admin'

], function(){

Route::get('/dashboard', function () {

return 'Trang dashboard';

});

Route::get('/settings', function () {

return 'Trang Settings';

});

// Cách 2: gọi nhiều phương thức cuối cùng gọi phương thức group($callback)

Route::prefix('/products')->group(function () {

Route::get('/', function () {

return 'Danh sách sản phẩm';

});

Route::get('/create', function () {

return 'Tạo sản phẩm ';

});

Route::get('/edit', function () {

return 'Hiển thị chi tiết sản phẩm ';

});

});

});

## **Route::get(***‘path/{params}’, $callback***)**; Lấy tham số tự động url.

// Route parameter

// Required parameters

Route::get('product/{slug}-{id}', function (*$slug*, *$id*) {

return "ID: {*$id*} - Slug: {*$slug*}";

});

// Options parameters

Route::get('blog/{keyword?}', function (*$keyword* = null) {

return "Keyword: {*$keyword*}";

});

## **Route::get(***‘path/{params}’, $callback***)->where(***‘param’, $pattern***)**; Ràng buộc param với biểu thức chính quy.

// Regex Expression constraint

Route::get('type/{slug}/{id}', function (*$slug*, *$id*) {

return "Slug: {*$slug*} - ID: {*$id*}";

})->where('slug', '.\*')->where('id', '\d+');

Route::get('type/{slug}-{id}', function (*$slug*, *$id*) {

return "ID: {*$id*} - Slug: {*$slug*}";

})->where('id', '[0-9]+')->where('slug', '.\*');

// hoặc gom biểu thức chính quy trong 1 phương thức where()

Route::get('type/{slug}-{id}', function (*$slug*, *$id*) {

return "ID: {*$id*} - Slug: {*$slug*}";

})->where(['id' => '[0-9]+', 'slug' => '.\*']);

## **Route::get(***$path, $callback***)->name(**‘route\_name’**)**; Lấy tham số tự động url.

// Cách 1: gọi phương thức group() truyền tham số thứ 1 bao gồm (prefix|route name|namespace|middleware|sub-domain)

Route::group([

'prefix' => '/admin',

'as' => 'admin.', //route name

], function(){

Route::get('/dashboard', function () {

return 'Trang dashboard';

})->name('dashboard');

Route::get('/settings', function () {

return 'Trang Settings';

})->name('setting');

// Cách 2: gọi nhiều phương thức cuối cùng gọi phương thức group($callback)

Route::prefix('/products')->name('products.')->group(function () {

Route::get('/', function () {

return 'Danh sách sản phẩm';

})->name('index');

Route::get('/create', function () {

return 'Tạo sản phẩm ';

})->name('create');

Route::get('/edit/{id}', function (*$id*) {

return 'Hiển thị chi tiết sản phẩm: ' . *$id*;

})->where('id', '\d+')->name('edit');

});

});

## **route(***$name, $params***)**; Hàm tạo url từ tên route

<a href="<?php echo route('admin.dashboard') ?>">Dashboard</a><br>

<a href="<?php echo route('admin.products.edit', ['id' => 1]) ?>">Detail Product</a>

## **Route::middleware(***$name***)->group(***$callback***)**; Thiết lập middleware cho route (Áp dụng với group)

Route::prefix('/products')

->name('products.')

->middleware('check.permission')

->group(function () {

Route::get('/', function () {

return 'Danh sách sản phẩm';

})->name('index');

Route::get('/create', function () {

return 'Tạo sản phẩm ';

})->name('create');

Route::get('/edit/{id}', function (*$id*) {

return 'Hiển thị chi tiết sản phẩm: ' . *$id*;

})->where('id', '\d+')->name('edit');

});

## **Route::domain(***‘{subdomain}.com.vn’***)->group(***$callback***)**; Xử lý request với tên miền phụ (subdomain)

<https://viblo.asia/p/tap-10-routing-laravel-Qpmlew4oKrd>

## Route to controller

// Route to controller

Route::get('/home', 'App\Http\Controllers\HomeController@index');

// Định nghĩa property $namespace trong class RouteServiceProvider

// public $namespace = 'App\Http\Controllers';

Route::get('/san-pham', 'HomeController@getProducts');

// Từ laravel 7.x khuyên dùng cách này

Route::get('/tin-tuc', [HomeController::class, 'getNews']);

// Truyền tham số vào trong controller

Route::get('/san-pham/{slug}', [HomeController::class, 'detailProduct']);